QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Luật số: 12/2026/QH16	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ, nội dung, hình thức, trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, điều kiện bảo đảm phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách

1. Công dân có quyền tiếp cận pháp luật; thụ hưởng, tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách; được hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật.

2. Công dân có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; có trách nhiệm chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách

1. Bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và xã hội, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt trong chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trở thành giá trị cốt lõi và nền tảng của đời sống xã hội.

2. Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù; tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài học tập, tìm hiểu pháp luật Việt Nam; lồng ghép nguồn lực trong các chương trình, đề án có liên quan.

3. Bảo đảm nội dung giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; trang bị kiến thức pháp luật phù hợp với từng cấp học và ngành, nghề đào tạo của người học.

4. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tính gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cá nhân khác trong lực lượng vũ trang nhân dân trong hoạt động công vụ, hoạt động nghề nghiệp và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

5. Ưu tiên, khuyến khích thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách; có chính sách phát triển nguồn nhân lực số, bồi dưỡng kỹ năng số cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách.

Điều 4. Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của từng thời kỳ, Chính phủ quy định chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Ngoài các chính sách quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyền quyết định chính sách khác để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương.

Điều 5. Nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách

1. Kịp thời, thường xuyên, liên tục, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, công khai và minh bạch.

2. Nội dung, hình thức phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, văn hóa, ngôn ngữ và địa bàn cư trú; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đa dạng và kết hợp hài hòa giữa hình thức truyền thống và hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

3. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hoạt động khác trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

4. Bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Ngoài quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, hoạt động truyền thông chính sách còn phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, nhiệm vụ chính trị, mục tiêu và yêu cầu của chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là dự thảo văn bản); bảo đảm tương tác đa chiều, phản hồi, tiếp thu và giải trình ý kiến, kiến nghị;

b) Khách quan, thiết thực, vì lợi ích chung, không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động xây dựng, hoàn thiện chính sách, dự thảo văn bản, chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 6. Quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật là tổ chức có chức năng tư vấn cho Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Ủy ban nhân dân về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và các giải pháp huy động nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Các thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động kiêm nhiệm.

2. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được thành lập ở trung ương, cấp tỉnh và cấp xã như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp mình.

3. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật có thể được thành lập ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó quyết định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trong xã hội.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cung cấp, trích dẫn, chỉnh sửa, sử dụng, truyền đạt nội dung pháp luật, nội dung chính sách nhằm làm sai ý nghĩa, nội dung pháp luật, nội dung chính sách; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2. Sử dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo hoặc các phương tiện khác để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, nội dung chính sách.

3. Lợi dụng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; ảnh hưởng chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng kinh tế, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Cản trở tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu pháp luật; cản trở việc thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Lợi dụng hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ của Nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II
NỘI DUNG, HÌNH THỨC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Mục 1
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHUNG CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 10. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Hiến pháp, bộ luật, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác (sau đây gọi chung là văn bản).

2. Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế.

3. Thông tin về gương người tốt, việc tốt trong tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

4. Các nội dung khác phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu tìm hiểu pháp luật hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức sau đây:

1. Cổng Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí, phương tiện thông tin đại chúng;

2. Nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo;

3. Hướng dẫn, giải đáp pháp luật;

4. Thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án, hoạt động tổ chức thi hành pháp luật;

5. Thông qua trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải, trọng tài thương mại, dịch vụ có liên quan đến pháp lý, đối thoại, thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật; lồng ghép vào các hoạt động và sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động khác tại cơ sở;

6. Tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp báo, thi tìm hiểu pháp luật; tủ sách pháp luật, tài liệu pháp luật;

7. Thông qua hoạt động giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

8. Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Phổ biến, giáo dục pháp luật trên cổng, trang thông tin điện tử, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng

1. Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và báo chí phải có chuyên mục, chuyên trang ở vị trí dễ tiếp cận, thời lượng phù hợp, phát sóng trên khung giờ thu hút đông đảo khán giả, thính giả để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; ưu tiên các nội dung có tác động lớn đến xã hội, liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật trên cổng, trang thông tin điện tử, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo

1. Cổng Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ, quản lý dữ liệu pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Pháp luật quốc gia.

2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân chủ động tiếp cận pháp luật.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; khai thác, sử dụng dữ liệu pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên mạng xã hội thông qua tài khoản chính thức đã được định danh và xác thực theo quy định của pháp luật.

5. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và các quy định sau đây:

a) Bảo đảm kiểm soát, cập nhật dựa trên các nguồn thông tin, dữ liệu chính thức của các cơ quan nhà nước và tính chính xác của nội dung pháp luật;

b) Thực hiện kiểm chứng thông tin trước khi cung cấp, gắn nhãn cảnh báo, đính chính thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển, vận hành trí tuệ nhân tạo chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào và thông tin do hệ thống của mình cung cấp.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm bảo đảm an toàn về dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hướng dẫn, giải đáp pháp luật

1. Trong phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách, cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp các quy định của pháp luật có liên quan trực tiếp đến vụ việc khi cơ quan, tổ chức, cá nhân đó có yêu cầu.

2. Khuyến khích tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, dịch vụ khác có liên quan đến pháp lý; cơ sở đào tạo ngành luật; cơ sở nghiên cứu ngành luật và các tổ chức khác tham gia hướng dẫn, giải đáp pháp luật miễn phí cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 15. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật

1. Cơ quan, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp cho đối tượng có liên quan thông qua công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử và thi hành án.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua hoạt động xử lý vi phạm hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đối thoại với Nhân dân và hoạt động tổ chức thi hành pháp luật khác.

Mục 2
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ

Điều 16. Đối tượng đặc thù

1. Người dân tộc thiểu số; người dân cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất; người lao động có thu nhập thấp.

3. Người bị bạo lực, người có hành vi bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, bạo lực học đường hoặc bạo lực khác; nạn nhân của hành vi mua bán người.

4. Người khuyết tật.

5. Người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo.

6. Người cao tuổi.

7. Người đang chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành xong án phạt tù đang tái hòa nhập cộng đồng; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

8. Đối tượng khác do Chính phủ quy định căn cứ vào mức độ khó khăn trong tiếp cận pháp luật, nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù để thực hiện chính sách ưu tiên của Nhà nước phù hợp với từng thời kỳ.

Điều 17. Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng thời kỳ.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật chuyên biệt theo từng nhóm đối tượng đặc thù cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người biết tiếng dân tộc thiểu số, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến đối tượng đặc thù có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, bố trí kinh phí hằng năm và chỉ đạo, tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù thuộc phạm vi quản lý.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc phối hợp tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động

của tổ chức, doanh nghiệp mình là đối tượng đặc thù quy định tại Điều 16 của Luật này, bảo đảm thời gian, địa điểm phù hợp với tính chất, quy mô, điều kiện sản xuất, kinh doanh.

4. Cơ quan thi hành án, Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù quy định tại khoản 7 Điều 16 của Luật này, ưu tiên hướng dẫn tìm hiểu pháp luật để hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Điều 19. Mục đích, nội dung, hình thức giáo dục pháp luật

1. Giáo dục pháp luật nhằm trang bị kiến thức pháp luật, nâng cao kỹ năng sử dụng pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật cho người học.

2. Giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua chương trình giáo dục chính khóa và giáo dục ngoại khóa.

3. Nội dung giáo dục pháp luật chính khóa phải phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo; được lồng ghép trong chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; thiết kế thành môn học, học phần riêng hoặc tích hợp phù hợp trong các môn học, học phần khác tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Nội dung giáo dục pháp luật ngoại khóa được lồng ghép thông qua các hoạt động trải nghiệm, giáo dục ngoài giờ chính khóa của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Người học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị kiến thức pháp luật phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Trách nhiệm trong giáo dục pháp luật

1. Cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của hệ thống giáo dục quốc dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho người học phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo; tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên thuộc phạm vi quản lý được bồi dưỡng về pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm đưa nội dung pháp luật có liên quan đến ngành, nghề đào tạo của người học vào chương trình đào tạo để tổ chức giảng dạy.

3. Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật xây dựng, ban hành, triển khai cơ chế phối hợp về giáo dục pháp luật và hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 4
TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH

Điều 21. Mục đích, nội dung, hình thức, thời điểm truyền thông chính sách

1. Truyền thông chính sách là hoạt động cung cấp thông tin và tương tác đa chiều về chính sách, dự thảo văn bản trong quá trình đề xuất và soạn thảo.

2. Truyền thông chính sách nhằm các mục đích sau đây:

a) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật; tạo sự đồng thuận xã hội trong tổ chức thi hành pháp luật;

b) Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về nội dung, tác động dự kiến của chính sách giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân hiểu rõ, tham gia góp ý, hoàn thiện chính sách, dự thảo văn bản và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức thi hành văn bản;

c) Tiếp nhận ý kiến, phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn thiện chính sách, dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp, khả thi, góp phần nâng cao chất lượng văn bản;

d) Định hướng thông tin để kịp thời đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc chính sách, pháp luật.

3. Nội dung truyền thông chính sách bao gồm:

a) Sự cần thiết, mục đích, quan điểm xây dựng, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của chính sách, dự thảo văn bản;

b) Nội dung cơ bản của chính sách, dự thảo văn bản, ưu tiên nội dung có tác động lớn đến xã hội, có nhiều ý kiến khác nhau, được dư luận xã hội quan tâm;

c) Nội dung mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ so với quy định hiện hành về thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan; quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân;

d) Nội dung khác cần thông tin rộng rãi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội.

4. Truyền thông chính sách được thực hiện thông qua Cổng Pháp luật quốc gia; cổng, trang thông tin điện tử; báo chí; nền tảng số, mạng xã hội hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thời điểm truyền thông chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện truyền thông chính sách

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện truyền thông chính sách bằng hình thức phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Luật này; tiếp nhận, tổng hợp, giải trình đầy đủ, công khai và kịp thời các ý kiến góp ý, phản hồi.

2. Cơ quan báo chí chủ động hoặc phối hợp với cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện truyền thông chính sách theo quy định của Luật này, Luật Báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng thông cáo báo chí, tài liệu giới thiệu về văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật về văn bản;

b) Đăng tải thông cáo báo chí, tài liệu quy định tại điểm a khoản này trên Cổng Pháp luật quốc gia và cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình;

c) Cử báo cáo viên pháp luật, người có trình độ chuyên môn thuộc phạm vi quản lý hoặc giới thiệu chuyên gia tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật về văn bản do cơ quan mình chủ trì soạn thảo.

2. Cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước và Chính phủ có trách nhiệm xây dựng thông cáo báo chí, biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và đăng tải trên Cổng Pháp luật quốc gia và cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

3. Cơ quan đề xuất thỏa thuận quốc tế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm biên soạn, đăng tải tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật về thỏa thuận quốc tế trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

4. Chính phủ quy định việc xây dựng thông cáo báo chí, tài liệu giới thiệu về văn bản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; thời hạn đăng tải thông cáo báo chí, tài liệu giới thiệu về văn bản và tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật quy định tại Điều này.

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; phân công Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các văn bản không do Chính phủ trình hoặc ban hành, không do Thủ tướng Chính phủ ban hành, không do Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo hoặc ban hành và điều ước quốc tế không do Bộ, cơ quan ngang Bộ đề xuất.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật đối với văn bản, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương đối với văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và do mình ban hành; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được ký kết nhân danh Nhà nước, Chính phủ và do địa phương mình ký kết.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về các nội dung thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội

1. Cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 23 của Luật này đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do mình chủ trì soạn thảo và các thỏa thuận quốc tế do mình ký kết.

Đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đại biểu Quốc hội trình thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công Văn phòng Quốc hội, Thường trực Hội đồng Dân tộc hoặc Thường trực Ủy ban của Quốc hội thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 23 của Luật này;

b) Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này để phổ biến, giáo dục pháp luật đối với văn bản do mình chủ trì soạn thảo;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, học tập pháp luật có liên quan.

2. Đại biểu Quốc hội thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; lồng ghép trong hoạt động giám sát; hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 23 của Luật này đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do mình trình, các văn bản do mình ban hành, điều ước quốc tế do mình đề xuất;

b) Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này để phổ biến, giáo dục pháp luật đối với văn bản do mình chủ trì soạn thảo, ban hành hoặc liên tịch ban hành và điều ước quốc tế do mình đề xuất;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, học tập pháp luật có liên quan.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm chủ trì tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật đối với văn bản do mình ban hành; phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 27. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 23 của Luật này đối với văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do mình trình, thỏa thuận quốc tế do mình ký kết;

b) Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này để phổ biến, giáo dục pháp luật đối với văn bản do mình chủ trì soạn thảo, liên tịch ban hành;

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, học tập pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình; vận động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, hỗ trợ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; vận động Nhân dân chấp hành pháp luật.

3. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, chính quyền địa phương,

cơ quan, tổ chức khác có liên quan để phổ biến, giáo dục pháp luật cho thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình và Nhân dân theo quy định của Luật này, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Hội đồng nhân dân có trách nhiệm sau đây:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế bảo đảm nguồn lực, kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương;

b) Hội đồng nhân dân các cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri; tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; lồng ghép trong hoạt động giám sát; hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan báo chí

1. Chủ động hoặc phối hợp với cơ quan có trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật để phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định tại Điều 12 của Luật này, Luật Báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phản ánh các ý kiến, kiến nghị về nội dung, vấn đề dư luận xã hội quan tâm để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Kịp thời đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc chính sách, pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Chủ động, phối hợp với tổ chức công đoàn, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động thuộc phạm vi quản lý về quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động trong quan hệ lao động.

2. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về pháp luật; cơ sở đào tạo ngành luật, cơ sở đào tạo và bồi dưỡng chức danh tư pháp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác

1. Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về pháp luật và tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, dịch vụ khác có liên quan đến pháp lý có trách nhiệm sau đây:

a) Lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp;

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho thành viên, hội viên của tổ chức mình và Nhân dân.

2. Cơ sở đào tạo ngành luật, cơ sở đào tạo và bồi dưỡng chức danh tư pháp có trách nhiệm sau đây:

a) Lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp;

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho giảng viên, học viên và sinh viên thuộc phạm vi quản lý;

c) Tham gia bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Tạo điều kiện cho giảng viên, học viên, sinh viên tham gia làm báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật và hoạt động tình nguyện phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu chấp hành pháp luật; giáo dục, tạo điều kiện cho thành viên khác tìm hiểu, học tập pháp luật, rèn luyện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Khuyến khích luật sư, luật gia, tư vấn viên pháp luật, cá nhân khác thuộc các tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; tham gia bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng cho người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Điều 32. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và cá nhân khác trong lực lượng vũ trang nhân dân

1. Tích cực, chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật, chú trọng pháp luật liên quan đến nhiệm vụ được giao; tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật và gương mẫu chấp hành pháp luật.

2. Chủ động, tích cực lồng ghép việc phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp; hướng dẫn, giải đáp pháp luật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện nhiệm vụ khác được giao.

3. Phối hợp, hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực, địa bàn công tác.

4. Tiếp nhận, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân trong quá trình thực thi công vụ; đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 33. Báo cáo viên pháp luật

1. Báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân, luật sư, luật gia được lựa chọn tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng và có uy tín trong công tác;

b) Có khả năng truyền đạt;

c) Có trình độ cử nhân luật trở lên và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có trình độ cử nhân luật, nhưng có trình độ cử nhân khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.

2. Thẩm quyền lựa chọn báo cáo viên pháp luật được quy định như sau:

a) Người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật của cơ quan, tổ chức mình.

Người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp về pháp luật, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về pháp luật lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật của tổ chức mình trên cơ sở sự đồng ý của cá nhân được lựa chọn;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh của địa phương mình;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật cấp xã của địa phương mình.

3. Báo cáo viên pháp luật có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp thông tin; được cơ quan, tổ chức quản lý tạo điều kiện tham gia hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Được hưởng thù lao theo quy định của pháp luật;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Báo cáo viên pháp luật có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật theo phân công của cơ quan, tổ chức lựa chọn mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có liên quan; tuân thủ các nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đã thực hiện với cơ quan, tổ chức lựa chọn mình.

5. Người đứng đầu Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật quy định chi tiết Điều này và biện pháp quản lý, bảo đảm cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật.

Điều 34. Tuyên truyền viên pháp luật

1. Tuyên truyền viên pháp luật là người cư trú hoặc làm việc trên địa bàn cấp xã có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật, khả năng truyền đạt và được lựa chọn tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, công bố danh sách tuyên truyền viên pháp luật của địa phương mình trên cơ sở sự đồng ý của cá nhân được lựa chọn.

3. Tuyên truyền viên pháp luật có các quyền quy định tại khoản 3 và các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật này.

4. Người đứng đầu Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật quy định chi tiết Điều này và biện pháp quản lý, bảo đảm cho hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật.

Điều 35. Người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật là chuyên gia, người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu pháp luật được cơ quan, tổ chức mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật có các quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 3, có nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 của Luật này.

Chương IV
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Điều 36. Bảo đảm tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm phân công, bố trí nhân lực, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức được lồng ghép và ưu tiên nội dung trong chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

3. Kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và huy động

từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; ưu tiên kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Đánh giá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Cơ quan quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật tổ chức đánh giá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Chính phủ.

2. Người đứng đầu Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật dựa trên mức độ tiếp cận pháp luật, hiểu biết và tuân thủ pháp luật, sự hài lòng của đối tượng thụ hưởng và các nội dung khác phù hợp.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này.

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đã được công nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục làm báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

2. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đang làm thủ tục miễn nhiệm, cho thôi theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 mà đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành vẫn chưa hoàn thành việc miễn nhiệm, cho thôi thì tiếp tục thực hiện việc miễn nhiệm, cho thôi theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn